

Thứ sáu, ngày 13 tháng 12 năm 2019

Vietnam Daily Review

Áp lực bán gia tăng

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 16/12/2019		•	
Tuần 16/12-20/12/2019		•	
Tháng 12/2019		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Trong phiên sáng, VN-Index tiếp tục có đà tăng tích cực nhờ lực đỡ từ nhóm ngành Ngân hàng với các cổ phiếu như BID, VCB, CTG. Tuy vậy, chỉ số về cuối phiên không duy trì được sắc xanh trước áp lực của các mã VHM, VNM, HPG. Đà tăng điểm của các TTCK chủ chốt trong khu vực dường như không lan tỏa đến thị trường trong phiên hôm nay. Bên cạnh đó, mặc dù đã có sự hỗ trợ từ thông tin vĩ mô tích cực về thỏa thuận giai đoạn 1 trên nguyên tắc giữa Mỹ-Trung, áp lực trong nước từ việc khối ngoại bán ròng mạnh trong tuần vừa qua cũng khiến cho chỉ số chưa thể đón nhận yếu tố này theo hướng tích cực.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 880 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 13/12/2019, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tiếp tục giảm. GMD tăng tích cực sau điều chỉnh giảm kéo dài về dưới mốc 23. Thanh khoản tăng mạnh, đồng thuận với tín hiệu tăng ngắn hạn bởi các chỉ báo động lượng. Vận động phục hồi của GMD có thể tạo động lực tăng giá với chứng quyền của cổ phiếu này trong những phiên tiếp theo.

Danh mục i-Invest: Theme Ngân hàng 0.9%. 11/19 danh mục Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục **Ngân hàng** - gồm ngân hàng có chất lượng tài sản tốt, tiềm năng tăng trưởng bền vững và định giá hợp lý - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.9%**, con số này của VNINDEX là -0.2%

Phân tích kỹ thuật: BID_Tiếp tục đà tăng (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **HPG, PNJ, KDH, TCB, BID**

Điểm nhấn

- VN-Index **-1.99 điểm**, đóng cửa 966.18. HNX-Index **+0.23 điểm**, đóng cửa 102.94.
- Kéo chỉ số tăng: **BID (+1.08); VCB (+0.99); CTG (+0.50); PGD (+0.09); BHN (+0.08)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VHM (-2.01); VRE (-0.78); VNM (-0.61); HPG (-0.32); NVL (-0.27)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **3,030 tỷ đồng**, **+8.1%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 5.91 điểm. Thị trường có 146 mã tăng, 63 mã tham chiếu và 174 mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **15.48 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm CTG (40.72 tỷ), ROS (23.49 tỷ) và VCB (19.13 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **16.27 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

966.18

Giá trị: 3030.99 tỷ

-1.99 (-0.21%)

Khối ngoại (ròng): 15.48 tỷ

HNX-INDEX

102.94

Giá trị: 251.74 tỷ

0.23 (0.22%)

Khối ngoại (ròng): -16.27 tỷ

UPCOM-INDEX

55.73

Giá trị: 157.72 tỷ

0.21 (0.38%)

Khối ngoại(ròng): 1.84 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	59.6	0.71%
Giá vàng	1,473	0.19%
Tỷ giá USD/VND	23,171	-0.02%
Tỷ giá EUR/VND	25,889	0.37%
Tỷ giá JPY/VND	21,137	-0.30%
LS liên NH 1 tháng	4.0%	1.09%
LS TPCP 5 năm	2.2%	-0.60%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
CTG	40.7	HPG	38.6
ROS	23.5	VHM	12.0
VCB	19.1	MSN	11.2
BID	13.8	VIC	8.2
HDB	2.1	GAS	6.5

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Câu chuyện cuối tuần	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Cổ phiếu lớn	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
iBroker	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* **11/19 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục **Ngân hàng** - gồm ngân hàng có chất lượng tài sản tốt, tiềm năng tăng trưởng bền vững và định giá hợp lý - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.9%**, con số này của VNINDEX là -0.2%

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** gồm những mã cổ phiếu có triển vọng khả quan trong dài hạn:
- **13/18 danh mục Mục tiêu** có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**
- **6/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro** có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Ngân hàng_0.9%

Danh mục	Hiệu suất danh mục							Rủi ro ước tính
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề							
Ngân hàng	0.9%	1.7%	-4.4%	2.4%	16.1%	9.0%	92.0%	22.2%
Dầu khí	0.8%	-1.5%	-7.2%	-8.2%	-7.8%	-4.7%	17.5%	22.6%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	0.3%	0.9%	-5.2%	0.7%	7.0%	-1.2%	44.3%	19.9%
Xây dựng	0.1%	-1.4%	-7.3%	-12.7%	-11.6%	-15.7%	19.4%	18.0%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	0.1%	1.8%	-3.2%	0.6%	18.1%	24.4%	128.3%	19.0%
Chiến tranh thương mại	0.1%	-0.3%	-4.3%	-4.9%	-7.8%	0.7%	15.8%	15.4%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.0%	1.3%	-4.3%	-4.0%	10.9%	7.7%	71.2%	17.0%
Lãi suất giảm	0.0%	0.6%	-2.9%	-4.2%	-3.6%	-2.6%	53.1%	17.8%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-0.1%	0.1%	2.6%	2.8%	0.1%	16.2%	58.8%	14.6%
Nước & Năng lượng	-0.1%	-0.5%	-3.3%	-4.6%	-5.2%	6.0%	50.0%	14.2%
Top 10 cổ phiếu VN30	-0.1%	0.9%	-5.0%	-3.5%	3.1%	0.5%	67.5%	14.4%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-0.4%	0.1%	-5.2%	-2.7%	-8.9%	-16.1%	51.6%	21.2%
Xây dựng & Vật liệu XD	-0.4%	-0.6%	-4.0%	-4.2%	-3.9%	-8.2%	-4.1%	17.3%
Vật liệu Xây dựng	-0.5%	0.8%	-0.2%	1.2%	4.7%	5.1%	11.8%	18.6%
Hàng tiêu dùng	-0.5%	-0.7%	-8.9%	-9.3%	1.5%	-1.6%	53.5%	17.4%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-0.8%	0.4%	-4.0%	-3.1%	9.6%	10.3%	85.1%	16.1%
BĐS & Khu công nghiệp	-0.9%	-0.3%	-3.7%	-5.0%	2.4%	2.0%	57.6%	16.7%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-0.9%	-0.8%	-5.1%	-4.1%	1.5%	2.6%	81.0%	13.8%
FTSE Việt Nam	-1.1%	-0.4%	-4.1%	-2.7%	3.3%	4.7%	86.8%	14.9%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 8	0.7%	1.2%	-3.5%	-2.6%	7.0%	8.5%	59.8%	17.3%
Danh mục 14	0.3%	1.2%	-3.9%	-0.4%	7.6%	5.2%	50.5%	17.2%
Danh mục 11	0.2%	0.6%	-5.3%	-5.6%	2.2%	9.7%	81.4%	19.2%
Danh mục 16	-0.5%	1.0%	-3.9%	-3.0%	12.6%	11.0%	63.8%	16.9%
Danh mục 6	-0.5%	0.6%	-5.8%	-6.5%	8.3%	8.7%	92.3%	21.8%
* Note	13/18 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX							

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 20	0.3%	1.2%	-3.3%	-2.3%	11.3%	11.6%	58.5%	16.6%
Danh mục 19	0.1%	1.2%	-2.9%	-0.9%	11.5%	16.2%	62.7%	15.4%
Danh mục 24	0.0%	0.1%	-4.1%	-4.1%	7.7%	19.1%	94.3%	20.1%
Danh mục 22	-0.2%	1.0%	-1.7%	-2.5%	12.3%	15.7%	66.7%	16.5%
Danh mục 21	-0.2%	1.4%	-3.4%	-2.1%	10.6%	10.6%	64.7%	15.7%
* Note	6/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX							

INDEX								
VNINDEX	-0.2%	0.3%	-4.6%	-3.1%	1.7%	1.1%	45.3%	15.6%
VN30INDEX	-0.5%	0.0%	-5.2%	-3.5%	3.1%	-4.6%	39.8%	15.9%

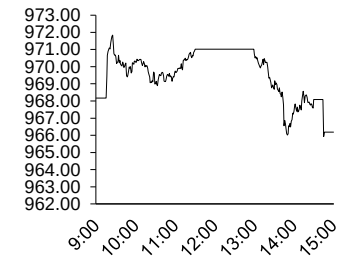
*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

BSC RESEARCH
12/13/2019
Vietnam Daily Review

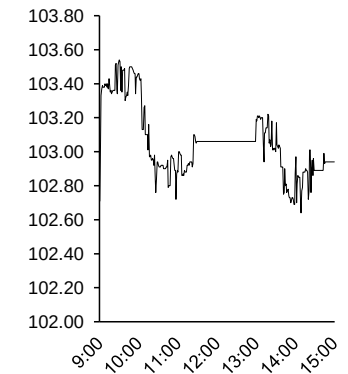
Vũ Quốc Khánh
khanhvq@bsc.com.vn

Hình 1
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2
HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Ngân hàng	2.6%
Truyền thông	2.0%
Dầu khí	1.6%
Dịch vụ tài chính	1.1%
Công nghệ Thông tin	0.8%
Du lịch và Giải trí	0.4%
Ô tô và phụ tùng	0.4%
Thực phẩm và đồ uống	0.3%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.1%
Bảo hiểm	0.1%
Bán lẻ	0.1%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.1%
Viễn thông	0.0%
Xây dựng và Vật liệu	-0.1%
Hóa chất	-0.2%
Y tế	-0.2%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.7%
Bất động sản	-1.0%
Tài nguyên Cơ bản	-2.2%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

BID_Tiếp tục đà tăng

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: xuất hiện Golden Cross.
- Chỉ báo RSI: tăng dần trên mốc 50 và chưa chạm vùng quá mua.
- Đường MA: xuất hiện Golden Cross.

Nhận định: BID sau khi đã có sự điều chỉnh từ ngưỡng giá 43 về vùng tích lũy xung quanh 40 thì nay đã tăng giá trở lại. Thanh khoản cổ phiếu trong những phiên gần đây cũng tăng đồng thuận với trạng thái tích cực của BID. Đáng chú ý, ngày hôm nay chỉ báo MACD cũng như các đường EMA đã xuất hiện Golden Cross xác nhận sự bắt đầu của một xu hướng tăng mới. Bên cạnh đó, chỉ báo động lượng RSI cũng đang tăng dần trên mốc 50 và còn cách khá xa vùng quá mua nên dự địa tăng vẫn còn nhiều. Theo như chúng tôi đã nhận định trong báo cáo phân tích trước, BID đang trong quá trình tiến về vùng đỉnh lịch sử tại vùng giá 45 và dự kiến sẽ tiếp cận khu vực này trong vài tuần tới.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Dự báo KQKD

Trong năm 2019, BSC dự báo BID sẽ ghi nhận TOI = 50,265 tỷ VND (+13% yoy), PBT = 10,800 tỷ VND (+14% yoy). Trong năm 2020, BID sẽ ghi nhận TOI = 58,816 tỷ VND (+17% yoy), PBT = 13,134 tỷ VND (+21.6% yoy). BVPS 2020 = 14,862 VND/cp.

Luận điểm đầu tư

LN không nhiều biến động do trích lập dự phòng. Thu nhập lãi +3.2% yoy nhờ (1) tăng trưởng tín dụng +9.1% ytd, (2) NIM giảm xuống mức 2.7%.

Tổng thu nhập hoạt động +4.3% yoy, LNTT giảm nhẹ -3.1% yoy.

Chất lượng tài sản chưa có nhiều cải thiện. NPL = 2.1%, tỷ lệ nợ nhóm 2 giảm. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu (LLCR) giảm do sử dụng dự phòng xử lý nợ xấu tồn đọng.

BID đã được SBV chấp nhận tuân thủ tiêu chuẩn Basel II vào tháng 12/2019, ước tính sau khi nhận được vốn từ Hana, CAR của BID sẽ được cải thiện lên mức 10.4%.

Rủi ro Đầu tư

Định giá cao. Chất lượng tài sản đang dần được cải thiện, tuy nhiên chưa được đánh giá quá cao.

Chi tiết tham khảo BSC – iBroker: Express BID 2019Q4.

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PNJ_Tăng giá

[Link](#)

BID_Tiến về vùng đỉnh cũ

[Link](#)

KDH_Bứt phá

[Link](#)

HPG_Tăng giá

[Link](#)

TCB_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 13/12/2019

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 13/12	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	59.56	0.90%	2.16%	4.32%	13.33%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	64.55	0.87%	2.16%	3.70%	5.26%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	1.64	0.13%	1.88%	0.97%	11.79%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1467.63	-0.65%	-0.84%	0.05%	17.84%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	16.92	0.09%	-0.67%	-0.59%	17.84%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	900.72	0.49%	1.79%	-0.01%	-0.51%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	539.18	1.78%	1.80%	6.01%	2.24%		AFX
Sữa	USD /cwt	19.47	0.52%	0.52%	-3.57%	41.39%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	176.00	-0.23%	1.38%	8.04%	10.28%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	13.49	0.52%	3.13%	4.98%	5.80%	SBT, LSS	VNM, GTN
Chè	USD/kg	2.88	-7.99%	-7.99%	-15.54%	-1.03%	GTN, DLG	DLG
Cà phê	UScent/lb	134.85	0.75%	8.79%	24.92%	36.49%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	2.79	0.56%	5.59%	5.81%	0.99%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	4240.00	13.28%	17.68%	19.81%	13.95%	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1760.00	0.28%	0.11%	-1.01%	-8.90%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	92.50	0.00%	5.11%	19.35%	38.06%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	68.50	0.26%	-1.34%	-2.18%	-33.16%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật**Giá dầu**

- Chốt phiên giao dịch đêm qua, giá dầu thô Brent kỳ hạn tháng 2/2020 tăng 48 US cent lên 64.2 USD/thùng. Giá dầu WTI kỳ hạn tháng 1/2020 tăng 42 US cent lên 59.18 USD/thùng.
- Giá dầu tăng gần 1% trong phiên do hy vọng rằng Mỹ và Trung Quốc gần đạt được một thỏa thuận về tranh chấp thương mại kéo dài. OPEC dự đoán thị trường dầu thiếu nhẹ trong năm tới, ngược lại Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) dự đoán dự trữ toàn cầu tăng mạnh bất chấp thỏa thuận của OPEC, dự đoán sản lượng giảm bởi Mỹ và các nước ngoài OPEC khác.

Giá vàng

- Chốt phiên, giá vàng giao ngay trên sàn LBMA giảm 0.5% xuống 1,468.17 USD/ounce. Giá vàng kỳ hạn tháng 02/2020 trên sàn New York giảm 0.2% xuống 1,472.3 USD/ounce. Giá vàng giảm từ mức cao nhất trong hơn một tháng sau khi Tổng thống Mỹ Donald Trump cho biết Washington đã gần tới một thỏa thuận thương mại với Trung Quốc.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt trên sàn Đại Liên kỳ hạn tháng 5/2020 đóng cửa giảm 0.2% xuống 651 CNY (92.49 USD)/tấn. Quặng sắt giảm do lo ngại về nhu cầu tại Trung Quốc, nước sản xuất thép hàng đầu thế giới, khi tình trạng hạn chế sản xuất đã xuất hiện ở khu vực sản xuất thép lớn nhất của nước này. Theo Viện nghiên cứu và lập kế hoạch công nghiệp luyện kim Trung Quốc, sản lượng thép thô của Trung Quốc trong năm 2020 dự kiến giảm xuống 981 triệu tấn từ ước tính 988 triệu tấn trong năm nay. Cơ quan này cho biết nhu cầu thép tại Trung Quốc dự kiến giảm 0.6% xuống 881 triệu tấn trong năm 2020.
- Thép cây dùng trong xây dựng kỳ hạn trên sàn giao dịch kỳ hạn Thượng Hải giảm 0.1%. Thép cuộn cán nóng tăng 1.8%.

Giá cao su

- Tại Tocom, giá cao su kỳ hạn tháng 5/2020 tăng 0.7 JPY lên 198.9 JPY (1.83 USD)/kg. Tại Thượng Hải, giá cao su tháng 5/2020 tăng 60 CNY lên 13,250 CNY (1,882 USD)/tấn. Giá cao su trên sàn giao dịch hàng hóa Tokyo (TOCOM) tăng do các nhà đầu tư mua để đóng các hợp đồng bán khống trước thời hạn chốt để Mỹ áp thuế mới với hàng hóa tiêu dùng nhập từ Trung Quốc. Thị trường tập trung vào các cuộc đàm phán thương mại Mỹ - Trung Quốc do bất kỳ sự phát triển nào của cuộc đàm phán này có thể ảnh hưởng tới nền kinh tế của Trung Quốc, nước tiêu thụ cao su lớn nhất thế giới.

Giá nông sản

- Giá đường thô kỳ hạn tháng 3/2020 trên sàn ICE tăng 0.1 US cent hay 0.7% lên 13.52 US cent/lb. Giá đường trắng giao cùng kỳ hạn trên sàn London tăng 2.4 USD hay 0.7% lên 354.3 USD/tấn. Đường phục hồi bởi việc mua để đóng các hợp đồng bán khống. Niên vụ 2019/20 được dự báo rộng rãi là thiếu hụt và một số chỉ số ban đầu cho thấy có thể thiếu hụt trong niên vụ 2020/21. Tuy nhiên, dự trữ là lớn sau 2 năm dư thừa.
- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 3/2020 tăng 2.05 US cent hay 1.5% lên 1,372.5 USD/lb. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 3/2020 tăng 20 US hay 1.4% lên 1,447 USD/tấn.
- Gạo 5% tấm của nhà xuất khẩu hàng đầu Ấn Độ được chào bán khoảng 358 – 363 USD/tấn trong tuần này, tăng từ 356 – 361 USD trong tuần trước - thấp nhất kể từ tháng 1/2017. Tại Việt Nam, gạo 5% tấm được chào bán ở giá 350 USD/tấn, tăng nhẹ từ 345 USD trong tuần trước. Trong khi đó, gạo 5% tấm của Thái Lan thay đổi ít tại 397 – 411 USD/tấn so với 397 – 410 USD một tuần trước.

SỰ TỬ VÀ CHÚ CHÓ

Sự tử trông thấy một con chó điên liền nhanh chóng tránh mặt. Sự tử con nói: "Cha dám sống chết đánh nhau với hổ, cùn báo so tài. Sao lại tránh né một chó điên, mất mặt quá!"

Sự tử hỏi: "Con thấy đánh thắng một chó điên vinh quang lắm sao?". Sự tử con lắc đầu.

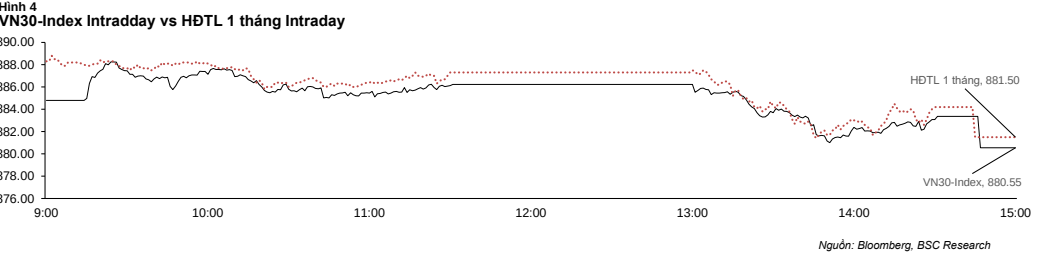
"Lại để cho chó điên cắn cho thì có xui xẻo không?". Sự tử con gật đầu.

"Như vậy, chúng ta trêu chọc chó điên làm gì?"

Người nào đó không xứng làm đối thủ của bạn, không muốn tranh luận với những người không có tố chất, chỉ cần mỉm cười rời xa họ, đừng để họ cắn bạn.

Ngày nay, nếu như bạn vẫn còn phàn nàn, không cố gắng thì người khác sẽ thành công. Bạn không làm, người khác sẽ đến làm. Bạn không phát triển, không có ai sẽ chờ đợi bạn!

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Điểm	%	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F1912	881.50	-0.40%	0.95	6.4%	68484	12/19/2019	6
VN30F2001	884.50	-0.44%	3.95	10.9%	549	1/16/2020	34
VN30F2003	889.20	-0.21%	8.65	150.0%	40	3/19/2020	97
VN30F2006	893.20	-0.18%	12.65	-22.4%	45	6/18/2020	188

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm -4.25 điểm xuống mức 880.55 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VHM, HPG, VNM, VRE, và NVL tác động mạnh đến điều chỉnh giảm của VN30. Trong phiên sáng, VN30 giảm cơ trong vùng giá 885-888 điểm. Sang phiên chiều, VN30 giảm về gần 881 điểm, phục hồi nhẹ, trước khi tiếp tục giảm mạnh trong phiên ATC. HDTL VN30F1912 đáo hạn vào thứ năm tới, VN30 có thể tiếp tục biến động mạnh trong vùng giá 880-895 điểm trong những phiên tiếp theo.
- Các HDTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, các hợp đồng đều giảm. Xét về tỷ lệ mở, VN30F1912 và VN30F2003 đang giảm, trong khi VN30F2001 và VN30F2006 đang tăng. Điều này báo hiệu điều chỉnh giảm trong trung hạn và dài hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 880 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CGMD1901	MBS	4/28/2020	137	2.83:1	39,580	0.0%	1.5 triệu	16.33%	1,680	1,070	13.83%	234.20	4.57
CDPM1901	KIS	1/9/2020	27	1:1	122,700	-19.7%	1.5 triệu	24.24%	1,900	700	2.94%	161.10	4.35
CFPT1907	VND	1/9/2020	27	2:1	49,090	-51.0%	2.0 triệu	20.94%	4,200	2,580	2.79%	2,204.20	1.17
CVJC1902	SSI	4/22/2020	131	1:1	12,800	-22.2%	1.0 triệu	14.24%	27,900	28,090	1.74%	17,086.80	1.64
CFPT1903	SSI	12/30/2019	17	1:1	55,030	-27.8%	2.0 triệu	20.94%	6,000	12,270	1.57%	12,064.70	1.02
CFPT1906	HSC	4/8/2020	117	5:1	87,610	26.6%	5.0 triệu	20.94%	1,700	1,410	0.71%	636.90	2.21
CFPT1905	SSI	4/22/2020	131	1:1	17,450	-49.3%	1.0 triệu	20.94%	9,900	7,450	-0.40%	4,552.90	1.64
CMBB1903	SSI	4/22/2020	131	1:1	35,990	17.0%	3.0 triệu	17.28%	4,000	2,580	-0.77%	984.90	2.62
CVNM1903	SSI	4/22/2020	131	1:1	10,900	-22.7%	1.0 triệu	18.45%	26,600	15,940	-1.36%	5,214.20	3.06
CMWG1904	SSI	12/30/2019	17	1:1	14,020	-30.8%	1.0 triệu	21.66%	14,000	23,140	-1.36%	23,198.90	1.00
CVIC1902	SSI	4/22/2020	131	1:1	12,400	12.1%	1.0 triệu	16.13%	22,700	15,740	-2.24%	6,040.50	2.61
CMWG1903	HSC	12/30/2019	17	5:1	45,710	87.3%	2.0 triệu	21.66%	2,700	3,610	-2.70%	3,632.10	0.99
CMBB1905	HSC	4/8/2020	117	2:1	139,200	-16.9%	5.0 triệu	17.28%	1,700	1,040	-4.59%	253.30	4.11
CVHM1902	SSI	4/22/2020	131	1:1	15,250	-2.0%	1.0 triệu	21.70%	18,600	14,490	-4.73%	7,775.70	1.86
CMBB1902	HSC	12/17/2019	4	1:1	121,820	47.5%	1.0 triệu	17.28%	3,200	1,450	-6.45%	163.00	8.90
CHPG1907	SSI	4/22/2020	131	1:1	137,600	295.1%	1.0 triệu	24.52%	4,200	4,830	-6.94%	3,442.70	1.40
CHPG1909	KIS	5/15/2020	154	2:1	140,800	2258.5%	5.0 triệu	24.52%	1,800	1,550	-7.74%	667.90	2.32
CREE1903	SSI	4/22/2020	131	1:1	26,610	-62.5%	1.0 triệu	22.33%	7,600	5,310	-7.97%	2,521.90	2.11
CMBB1904	SSI	1/22/2020	40	1:1	74,440	54.7%	2.0 triệu	17.28%	2,900	1,620	-9.50%	456.70	3.55
CVRE1902	HSC	4/8/2020	117	4:1	161,470	854.9%	5.0 triệu	21.76%	1,300	1,350	-11.18%	624.10	2.16
CHPG1905	SSI	12/30/2019	17	1:1	389,510	198.2%	1.0 triệu	24.52%	3,300	1,320	-12.00%	958.00	1.38
CREE1902	SSI	1/22/2020	40	1:1	27,750	-85.5%	1.0 triệu	22.33%	5,600	2,810	-12.19%	1,444.50	1.95
Tổng:					1,737,730		39.00 triệu	20.33%**					
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
					**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 13/12/2019, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tiếp tục giảm.
- Về giá, CREE1902 và CHPG1905 giảm mạnh nhất lần lượt tại -12.19% và -12.00%. Trái lại, CGMD1901 tăng mạnh nhất 13.83%. Thanh khoản thị trường giảm -19.76%. CHPG1905 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 17.13% thị trường.
- Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là FPT, HPG và VJC, hầu hết các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CMWG1904 và CVJC1902 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CFPT1903 và CMWG1904 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. GMD tăng tích cực sau điều chỉnh giảm kéo dài về dưới mốc 23. Thanh khoản tăng mạnh, đồng thuận với tín hiệu tăng ngắn hạn bởi các chỉ báo động lượng. Vận động phục hồi của GMD có thể tạo động lực tăng giá với chứng quyền của cổ phiếu này trong những phiên tiếp theo.

Tổ Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VCB	88.40	1.03	0.37
BID	41.90	2.20	0.25
CTG	20.60	2.23	0.19
GMD	23.60	2.16	0.17
FPT	57.10	0.18	0.08

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VHM	89.1	-2.30	-1.08
HPG	23.8	-1.65	-0.91
VNM	118.0	-1.01	-0.83
VRE	33.6	-3.45	-0.77
NVL	55.0	-1.79	-0.51

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CGMD1901	29,682	24,928	23,600
CDPM1901	15,888	13,988	13,300
CFPT1907	61,400	53,000	57,100
CVJC1902	157,900	130,000	144,500
CFPT1903	51,140	45,140	57,100
CFPT1906	65,500	57,000	57,100
CFPT1905	64,900	55,000	57,100
CMBB1905	26,000	22,000	21,800
CVNM1903	146,600	120,000	118,000
CMWG1904	165,000	90,000	113,000
CVIC1902	137,700	115,000	116,000
CMWG1903	25,800	95,000	113,000
CMBB1905	26,400	23,000	21,800
CVHM1902	103,600	85,000	89,100
CMBB1902	23,700	21,800	21,800
CHPG1907	25,200	21,000	23,800
CHPG1909	49,360	24,680	23,800
CREE1903	43,600	36,000	36,500
CMBB1904	24,900	22,000	21,800
CVRE1902	37,700	32,500	33,550
CHPG1905	93,300	23,100	23,800
CREE1902	41,600	36,000	36,500

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	113.0	-0.4%	0.7	2,175	2.3	8,321	13.6	4.4	49.0%	37.7%
PNJ	Bán lẻ	83.5	-0.6%	0.9	808	1.0	4,839	17.3	4.5	49.0%	28.6%
BVH	Bảo hiểm	68.0	0.0%	1.3	2,072	0.4	1,889	36.0	3.0	25.3%	8.7%
PVI	Bảo hiểm	31.4	-0.3%	0.7	316	0.0	2,801	11.2	1.1	54.3%	9.6%
VIC	Bất động sản	116.0	0.0%	1.0	16,989	1.5	1,589	73.0	5.0	15.0%	7.8%
VRE	Bất động sản	33.6	-3.5%	1.1	3,397	3.3	1,228	27.3	2.7	32.7%	8.8%
NVL	Bất động sản	55.0	-1.8%	0.8	2,269	1.0	3,187	17.3	2.5	7.2%	15.5%
REE	Bất động sản	36.5	-0.9%	1.0	492	0.8	5,614	6.5	1.1	49.0%	18.6%
DXG	Bất động sản	14.3	-2.1%	1.5	327	0.9	3,215	4.4	0.9	45.6%	25.9%
SSI	Chứng khoán	19.2	-1.0%	1.4	424	0.9	1,769	10.9	1.0	55.6%	9.4%
VCI	Chứng khoán	31.7	-0.6%	1.0	227	0.0	5,067	6.3	1.4	37.3%	24.7%
HCM	Chứng khoán	22.9	-0.2%	1.5	304	0.7	1,287	17.8	1.6	57.3%	10.2%
FPT	Công nghệ	57.1	0.2%	0.8	1,684	4.2	4,688	12.2	2.9	49.0%	24.9%
FOX	Công nghệ	46.5	0.0%	0.4	503	0.0	4,156	11.2	2.8	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	98.0	0.1%	1.6	8,155	0.9	5,886	16.7	4.1	3.6%	26.1%
PLX	Dầu khí	55.4	0.4%	1.5	2,868	0.3	3,467	16.0	3.0	13.4%	19.5%
PVS	Dầu khí	17.4	0.0%	1.7	362	1.0	2,062	8.4	0.7	21.8%	8.5%
BSR	Dầu khí	8.8	1.1%	0.8	1,186	0.4	1,163	7.6	0.9	41.1%	11.0%
DHG	Dược	95.0	-0.3%	0.5	540	0.0	4,535	20.9	3.9	54.4%	19.4%
DPM	Hóa chất	13.3	0.8%	0.8	226	0.2	650	20.5	0.7	19.0%	3.7%
DCM	Hóa chất	6.6	-1.5%	0.7	152	0.1	625	10.6	0.6	2.5%	5.5%
VCB	Ngân hàng	88.4	1.0%	1.3	14,255	2.9	5,274	16.8	4.0	23.8%	27.1%
BID	Ngân hàng	41.9	2.2%	1.6	7,327	2.6	2,109	19.9	2.5	18.0%	13.5%
CTG	Ngân hàng	20.6	2.2%	1.6	3,335	3.5	1,641	12.5	1.0	29.3%	8.5%
VPB	Ngân hàng	19.7	0.0%	1.2	2,056	0.8	3,341	5.9	1.2	23.2%	22.7%
MBB	Ngân hàng	21.8	0.0%	1.1	2,204	2.4	3,261	6.7	1.3	20.0%	21.8%
ACB	Ngân hàng	23.2	0.9%	1.1	1,671	1.5	3,585	6.5	1.5	30.0%	25.9%
BMP	Nhựa	47.9	-2.2%	0.8	170	0.1	5,073	9.4	1.5	80.4%	16.5%
NTP	Nhựa	32.7	0.6%	0.2	140	0.0	4,603	7.1	1.2	20.6%	17.8%
MSR	Tài nguyên	14.0	1.4%	1.3	602	0.0	732	19.1	1.0	2.2%	5.6%
HPG	Thép	23.8	-1.7%	1.0	2,857	10.0	2,526	9.4	1.4	38.1%	17.4%
HSG	Thép	8.4	-0.9%	1.6	154	1.5	890	9.4	0.6	17.6%	6.8%
VNM	Tiêu dùng	118.0	-1.0%	0.7	8,934	2.9	5,527	21.3	7.5	58.6%	36.5%
SAB	Tiêu dùng	233.2	0.0%	0.8	6,502	0.1	7,365	31.7	8.4	63.3%	28.4%
MSN	Tiêu dùng	58.0	-0.9%	1.3	2,948	4.4	4,512	12.9	2.0	39.3%	20.5%
SBT	Tiêu dùng	18.5	-0.3%	0.6	472	1.0	440	42.1	1.5	6.1%	3.5%
ACV	Vận tải	75.1	1.1%	0.8	7,108	0.0	2,630	28.6	5.3	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	144.5	-0.5%	1.1	3,291	2.2	9,850	14.7	5.6	19.7%	43.3%
HVN	Vận tải	34.6	0.0%	1.7	2,134	0.2	1,747	19.8	2.7	10.1%	13.4%
GMD	Vận tải	23.6	2.2%	0.8	305	0.5	1,949	12.1	1.1	49.0%	9.7%
PVT	Vận tải	16.8	0.0%	0.6	205	0.1	2,571	6.5	1.1	31.8%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	83.0	-1.0%	1.0	577	0.4	8,338	10.0	4.2	2.1%	45.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	18.3	-0.3%	0.7	356	0.1	1,398	13.1	1.3	13.4%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.5	1.3%	0.8	256	0.1	1,912	8.1	1.1	6.5%	13.8%
CTD	Xây dựng	62.0	-1.6%	0.7	206	0.1	9,842	6.3	0.6	47.8%	9.3%
VCG	Xây dựng	26.9	-0.7%	1.0	517	0.2	1,557	17.3	1.8	0.5%	10.4%
CII	Xây dựng	22.8	0.0%	0.4	245	0.1	1,845	12.3	1.0	51.0%	8.8%
POW	Điện	12.4	-0.4%	0.6	1,257	0.5	820	15.1	1.2	14.0%	7.8%
NT2	Điện	22.4	0.0%	0.6	280	0.1	2,721	8.2	1.5	18.8%	20.0%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BID	41.90	2.20	1.06	1.43MLN
VCB	88.40	1.03	0.97	746800.00
CTG	20.60	2.23	0.49	3.96MLN
PGD	53.50	7.00	0.09	25830.00
BHN	79.10	1.54	0.08	170.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	23.20	0.87	0.33	1.44MLN
CEO	9.30	5.68	0.07	899400.00
HUT	2.50	4.17	0.02	1.26MLN
PVX	1.20	9.09	0.02	1.97MLN
ART	2.60	8.33	0.02	4.38MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	89.10	-2.30	-2.05	419210.00
VRE	33.55	-3.45	-0.82	2.17MLN
VNM	118.00	-1.01	-0.61	564680.00
HPG	23.80	-1.65	-0.32	9.48MLN
NVL	55.00	-1.79	-0.27	400250.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NET	40.50	-10.99	-0.06	1600.00
MBG	24.30	-10.00	-0.05	558300.00
VCS	83.00	-0.95	-0.03	120800.00
PLC	10.70	-9.32	-0.02	912300.00
DGC	27.70	-1.07	-0.02	167700.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PGD	53.50	7.00	0.09	25830.00
MDG	9.84	6.96	0.00	43970.00
YEG	40.20	6.91	0.02	18240.00
VNS	10.45	6.85	0.01	585460.00
TS4	3.90	6.85	0.00	10190.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SPI	1.00	11.1	0.00	112300.00
FID	1.10	10.0	0.00	100.00
NBP	12.10	10.0	0.00	100.00
SJ1	19.90	9.9	0.02	100.00
VNT	42.40	9.8	0.01	3500.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DTL	31.30	-6.98	-0.04	10.00
NAV	14.85	-6.90	0.00	110.00
PIT	2.99	-6.85	0.00	640.00
AGF	3.40	-6.85	0.00	1120.00
TPC	10.20	-6.85	-0.01	990.00

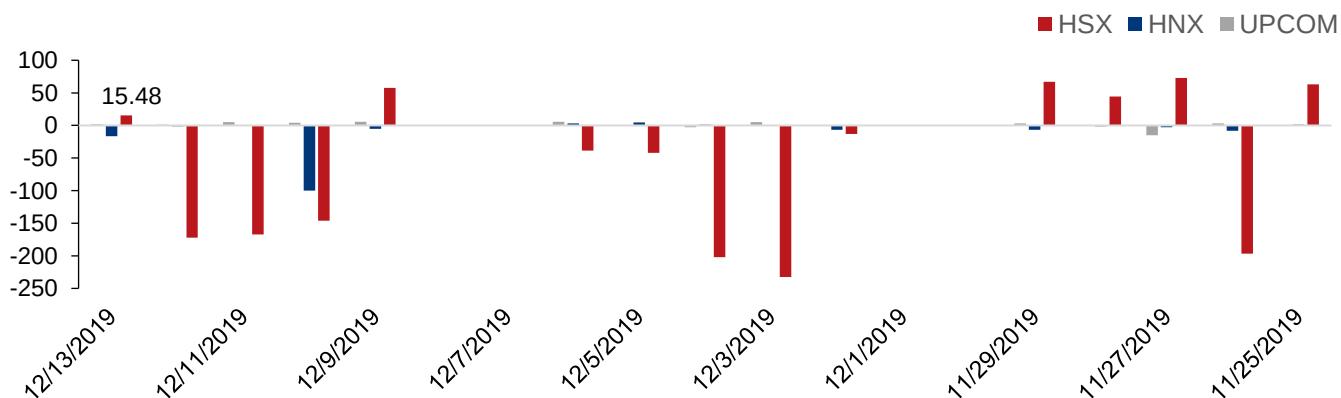
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DPS	0.30	-25.00	0.00	312900.00
NHP	0.40	-20.00	0.00	266500.00
NET	40.50	-10.99	-0.06	1600.00
MBG	24.30	-10.00	-0.05	558300.00
GLT	27.00	-9.70	-0.01	1300.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2018	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
4	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
5	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
6	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
7	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
8	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
9	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
10	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
11	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hỏi	Phân tích vĩ mô		Click
12	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
13	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
14	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
15	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
16	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
17	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
18	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
19	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	ACB	Ngân hàng	Mua	10/12/2019	22.8	27.8	23.2	3,585	6.5	1.5	Click
2	AAA	Sản xuất	Theo dõi	4/12/2019	13.9	15.9	14.1	2,692	5.2	0.8	Click
3	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	4/12/2019	23.4	26.0	23.2	2,660	8.7	1.4	Click
4	VTP	Vận tải	Mua	25/11/2019	125.1	162.5	114.1	6,216	18.4	6.9	Click
5	VCB	Ngân hàng	Mua	25/11/2020	84.5	121.0	88.4	5,274	16.8	4.0	Click
6	HDG	Bất động sản	Mua	13/11/2019	34.8	42.3	32.9	9,530	3.5	1.7	Click
7	FPT	CNTT	Mua	13/11/2019	60.5	75.3	57.1	4,688	12.2	2.9	Click
8	DGW	Bán lẻ	Mua	31/10/2019	25.5	30.8	23.8	3,491	6.8	1.1	Click
9	PC1	Điện	Mua mạnh	14/10/2019	20.0	29.1	17.7	2,246	7.9	0.8	Click
10	TRC	Cao su	Theo dõi	10/1/2019	38.0	N/a	40.9	3,678	11.1	0.8	Click
11	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	30/09/2019	78.5	82.7	58.0	4,512	12.9	2.0	Click
12	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	130.0	142.1	118.0	5,527	21.3	7.5	Click
13	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	22.3	26.0	21.0	2,887	7.3	1.5	Click
14	REE	Công nghiệp	Mua	27/09/2021	39.5	48.0	36.5	5,614	6.5	1.1	Click
15	VHC	Thủy sản	Mua	25/09/2019	79.0	93.5	78.4	14,958	5.2	1.5	Click
16	LCG	Xây dựng	Mua	25/09/2019	9.6	11.3	8.2	2,279	3.6	0.5	Click
17	ACB	Ngân hàng	Mua	23/09/2019	22.2	26.3	23.2	3,585	6.5	1.5	Click
18	DIG	Bất động sản	Mua	23/09/2019	13.6	16.3	13.7	1,079	12.7	1.2	Click
19	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	17/09/2019	81.9	90.0	88.4	5,274	16.8	4.0	Click
20	DRC	Cao su	Theo dõi	13/09/2019	22.4	25.5	23.0	1,723	13.3	1.7	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express DHG 2019Q4	13/11/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 94000 Trong 10% của quý khen thưởng phúc lợi, thay vì trích trong DHCD thì minh chỉ phân phối 3% và ghi nhận chi phí là 7%, => tính cùng kỳ, lợi nhuận thực hiện bằng nhau: Q3.18 : 151 tỷ, Q3.19 153 tỷ . Thuế Q3 góp cao hơn do từ 2019 – 2027, ko được ưu đãi 0% mà là 5% -> ảnh hưởng thuế là 14 tỷ. Lũy kế DTT -2%, LNTT -6% nếu adjust thì DT +9%. Các khoản chi phí 2 – 3 năm ko tăng, nguyên liệu tăng chút đỉnh. Biên LNG giảm từ 46% còn 42% do (1) thay đổi cấu trúc ngành hàng: tăng tỷ trọng hàng khác (2) trong COGS hàng sản xuất -1%: ghi nhận chi phí từ thay đổi cách hạch toán welfare fund và 10 tỷ tăng thêm do NVL tăng. Chi phí NVL trong Q4.2019 sẽ không tăng do đã mua đủ hàng cho nhu cầu.
Express FPT 2019Q4	14/10/2019	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 73500 ; Giá tại Publish 56500 Về Chuyển đổi số ở FPT (1) Trong nội bộ FPT: gồm 3 mục tiêu chính (a) new model (b) tăng trải nghiệm khách hàng và © tối ưu hóa chi phí. Trong đó, F-Soft tập trung vào (a), F-Tel tập trung vào (b). Tiến độ: Đa hoàn thành kế hoạch cụ thể. Trong Q4.2019, thực hiện và triển khai. Đầu năm se đưa ra kết quả nhưng điều làm được và kết quả. (2) Trong hợp tác với khách hàng: tập trung vào các dự án Chuyển đổi số. Khách hàng nước ngoài: biên LNTT của dự án CDS khoảng 19-20% (so với 16 – 17% LNTT dự án truyền thống). Khách hàng trong nước: mới làm việc với một số doanh nghiệp và đa co nhưng dự án và kế hoạch sơ bộ CDS chủ yếu đều từ các khách hàng cũ-, chủ yếu ở các lĩnh vực: automatics, logistics, utility.
Express VTP 2019Q4	13/11/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 142700 ; Giá tại Publish 129000 Đối với kế hoạch 2019 – 2024: (1) KH ban đầu: Đối với giai đoạn 2019 – 2024, công ty đặt KH DT và LNTT tăng trưởng trung bình là 31.5% và 25.9%. (2) KH mới: Tập đoàn Viettel đang áp mức KH cao hơn. Về thông tin ngành Tăng trưởng trung bình của thị trường chuyển phát là 30 – 40%, không công ty (size to) đạt ngưỡng 50 – 60%. Số lượng đơn hàng vận chuyển (1) Quá khứ: 280k đơn/ngày, (2) Current: 350k đơn/ngày (3) Dự kiến hết 2019: 380k đơn/ngày. Hệ thống mạng lưới tổng cộng là 2,329 cửa hàng (1,500 bưu cục và 829 cửa hàng Viettel Store) cùng với 6,000 điểm giao nhận. Dự kiến sẽ nhận thêm 150 – 200 cửa hàng. Việc biên LNG giảm do tình hình thời tiết mưa bão khiến cho cả giao thông của miền Trung bị tê liệt, khiến cho (1) giao hàng ở đường trục bị trễ và (2) giao hàng từ bưu cục cho khách hàng bị trễ. Công ty không giảm giá cước trong thời gian vừa qua.
Express VNM 2019Q4	11/11/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 142700 ; Giá tại Publish 129500 BSC dự báo KQKD của VNM với DTT và LNST của công ty mệ lần lượt là 56,099.9 tỷ đồng (+6.6% YoY) và 10,941 tỷ đồng (+7% YoY) với EPS fw là 5,677 đồng/cp , tương đương PE fw là 23x và PB fw là 6.6x. Chúng tôi giả định tăng trưởng của thị trường nội địa đạt 47,432 tỷ đồng (+6% YoY) và doanh thu quốc tế đạt 8,596 tỷ đồng (+10% YoY) với biên lợi nhuận gộp là 47.3% cao hơn so với cùng kì là 46.8% nhờ việc tăng giá bán tất cả các mặt hàng để bù đắp cho chi phí nguyên vật liệu tăng. Lũy kế 9M19, VNM đạt doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế lần lượt là 42,079 tỷ đồng (+6.4% YoY) và 8,377.9 tỷ đồng (+5.7% YoY).
Express SAB 2019Q4	17/11/2019	KKhuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 280000 ; Giá tại Publish 260000 BSC dự báo DTT và LNST của SAB đạt lần lượt 39,022 tỷ đồng (+8.3% YoY) và 5,411 tỷ đồng (+22.7% YoY) với EPS là 7,568 đồng/cp, tương ứng với PE fw là 34.4x và PB fw là 7.1x; chúng tôi giả định doanh thu bia tăng trưởng 10% đạt 33,869 tỷ đồng với những nỗ lực tái quảng bá thương hiệu Sabeco và cắt giảm các chi phí giúp biên gộp SAB tăng lên 24.2% cao hơn cùng kỳ là 22.5%. Lũy kế 9 tháng đầu năm, DTT và LNST của SAB đều cải thiện lần lượt đạt 28,170 tỷ đồng (+10% YoY) và 4,279 tỷ đồng (+23% YoY). Trong đó, doanh thu mảng bia tăng trưởng tốt nhất với doanh thu đạt 24,302 tỷ đồng (+11.3% YoY) nhờ vào kế hoạch tái quảng bá lại các thương hiệu mạnh của Sabeco như 333, Saigon Specials, Saigon Lager và Saigon Export với các thiết kế mẫu mã hiện đại và tinh thần Việt Nam đã giúp SAB tăng về thị phần so với các đối thủ khác.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn